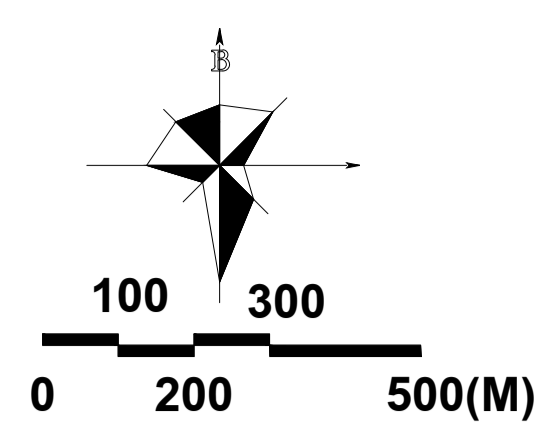


QUY HOẠCH CHUNG XÃ XÃM HÀNG, TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2045

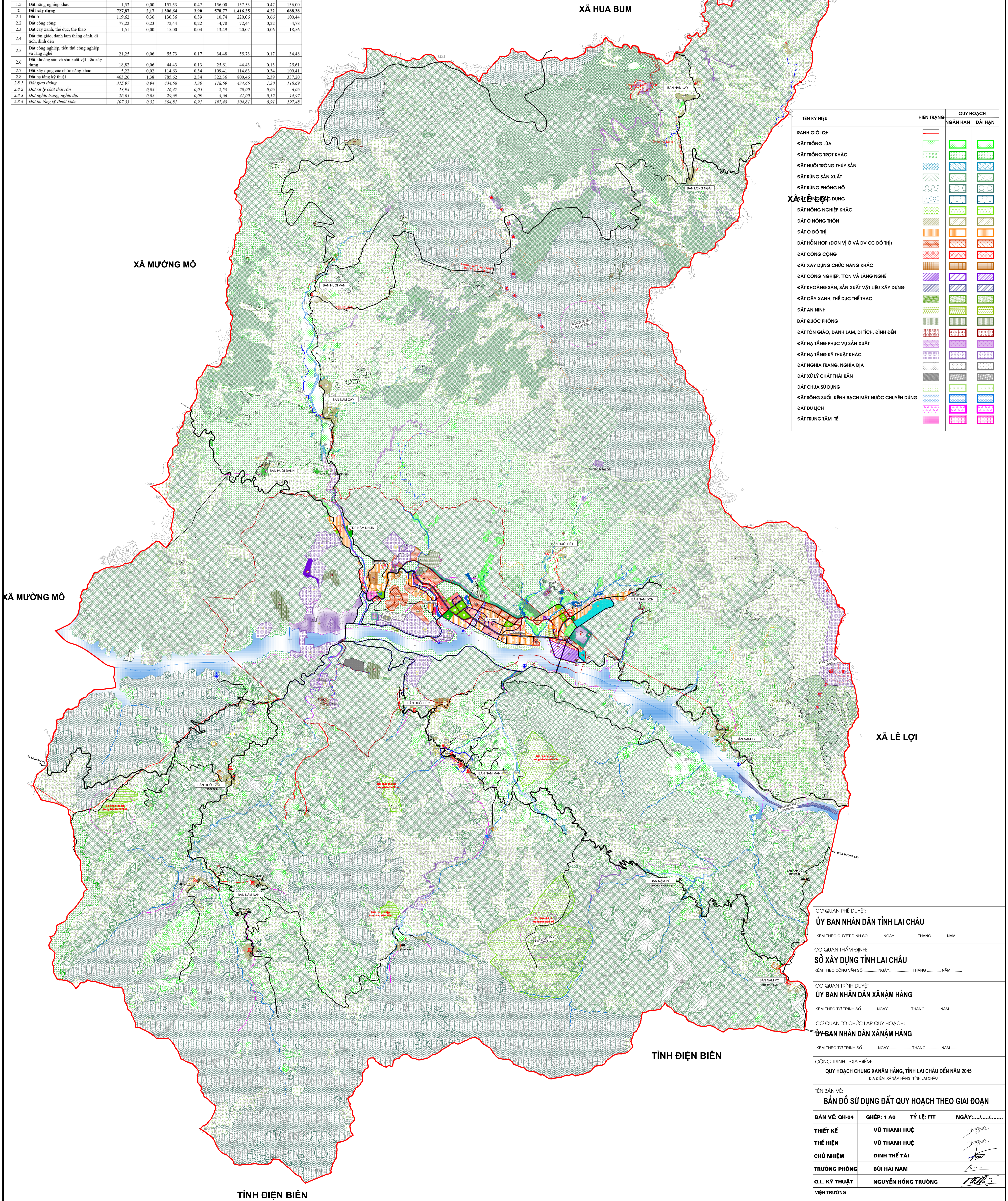
BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH THEO GIAI ĐOẠN



Bảng 27: Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	Mục đích sử dụng đất	Năm 2025		Giai đoạn 2025-2030		Giai đoạn 2031-2045	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	QH đến năm 2030	Tỷ lệ % so với tổng DT	QH đến năm 2045	Tỷ lệ % so với tổng DT
	Tổng diện tích tự nhiên	33.530,12	100,00	33.530,12	100,00	33.530,12	100,00
1	Đất nông nghiệp	24.842,12	74,09	27.332,09	81,52	27.595,34	82,30
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	5.560,17	16,59	5.399,46	16,10	5.399,46	16,10
1.2	Đất làm nương	19.441,96	58,29	21.736,75	64,83	22.000,00	65,61
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	37,36	0,11	38,35	0,11	38,35	0,11
1.4	Đất làm muối						
1.5	Đất nông nghiệp khác	1,51	0,00	157,53	0,47	156,00	0,47
2	Đất xây dựng	727,87	2,17	1.306,64	3,90	578,77	1,72
2.1	Đất ở	119,62	0,36	130,36	0,39	107,4	0,32
2.2	Đất công cộng	77,22	0,23	72,44	0,22	72,44	0,22
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,51	0,00	15,00	0,04	13,49	0,04
2.4	Đất tôn giáo, đình, lam, thung cúng, di tích, di sản						
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	21,25	0,06	55,73	0,17	34,48	0,10
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	18,82	0,06	44,43	0,13	44,43	0,13
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	5,22	0,02	114,63	0,34	109,41	0,33
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	461,26	1,38	785,62	2,34	800,46	2,39
2.8.1	Đất giao thông	315,97	0,94	434,66	1,30	416,66	1,24
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	13,94	0,04	16,47	0,05	20,00	0,06
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	26,05	0,08	29,69	0,09	3,66	0,01
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	107,33	0,32	304,81	0,91	310,17	0,92

STT	Mục đích sử dụng đất	Năm 2025		Giai đoạn 2025-2030		Giai đoạn 2031-2045	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	QH đến năm 2030	Tỷ lệ % so với tổng DT	QH đến năm 2045	Tỷ lệ % so với tổng DT
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	13,02	0,04	13,43	0,04	13,43	0,04
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	7,95	0,02	75,00	0,22	67,05	0,20
3	Đất khác	7.960,13	23,74	4.891,39	14,59	3.068,74	9,18
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	842,42	2,51	820,26	2,45	800,00	2,39
3.2	Đất chưa sử dụng	7.117,71	21,23	4.071,13	12,14	-3.046,58	-9,10



TÊN KÝ HIỆU	QUY HOẠCH	
	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
RANH GIỚI QH	[Red line]	[Red line]
ĐẤT TRỒNG LÚA	[Green pattern]	[Green pattern]
ĐẤT TRỒNG TRỌT KHÁC	[Green pattern]	[Green pattern]
ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	[Blue pattern]	[Blue pattern]
ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT	[Green pattern]	[Green pattern]
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ	[Green pattern]	[Green pattern]
ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC	[Green pattern]	[Green pattern]
ĐẤT Ở ĐÔ THỊ	[Orange pattern]	[Orange pattern]
ĐẤT HỒN HỢP (ĐƠN VỊ Ở VÀ DV CC ĐÔ THỊ)	[Orange pattern]	[Orange pattern]
ĐẤT CÔNG CỘNG	[Orange pattern]	[Orange pattern]
ĐẤT XÂY DỰNG CHỨC NĂNG KHÁC	[Orange pattern]	[Orange pattern]
ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN VÀ LÀNG NGHỀ	[Purple pattern]	[Purple pattern]
ĐẤT KHOÁNG SẢN, SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG	[Purple pattern]	[Purple pattern]
ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC THỂ THAO	[Green pattern]	[Green pattern]
ĐẤT AN NINH	[Green pattern]	[Green pattern]
ĐẤT QUỐC PHÒNG	[Green pattern]	[Green pattern]
ĐẤT TÔN GIÁO, ĐÌNH LAM, DI TÍCH, ĐÌNH ĐỀN	[Red pattern]	[Red pattern]
ĐẤT HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT	[Purple pattern]	[Purple pattern]
ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC	[Purple pattern]	[Purple pattern]
ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA	[Purple pattern]	[Purple pattern]
ĐẤT XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN	[Purple pattern]	[Purple pattern]
ĐẤT CHUA SỬ DỤNG	[Purple pattern]	[Purple pattern]
ĐẤT SÔNG SUỐI, KÊNH RẠCH MẶT NƯỚC CHUYÊN DỤNG	[Blue pattern]	[Blue pattern]
ĐẤT DU LỊCH	[Green pattern]	[Green pattern]
ĐẤT TRUNG TÂM TẾ	[Green pattern]	[Green pattern]

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
Kèm theo Quyết định số NGÀY THÁNG NĂM

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG TỈNH LAI CHÂU
Kèm theo Công văn số NGÀY THÁNG NĂM

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XÃM HÀNG
Kèm theo Trình số NGÀY THÁNG NĂM

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XÃM HÀNG
Kèm theo Trình số NGÀY THÁNG NĂM

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHUNG XÃ XÃM HÀNG, TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2045
ĐỊA ĐIỂM: XÃ XÃM HÀNG, TỈNH LAI CHÂU

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH THEO GIAI ĐOẠN

BẢN VẼ: QH-04	GHÉP: 1 A0	TỶ LỆ: 1:10.000	NGÀY:
THIẾT KẾ	VŨ THANH HUỆ		
THỂ HIỆN	VŨ THANH HUỆ		
CHỦ NHIỆM	ĐINH THẾ TÀI		
TRƯỞNG PHÒNG	BÙI HẢI NAM		
Q.L. KỸ THUẬT	NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG		
VIỆN TRƯỞNG			

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
VIỆN QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ NÔNG NGHIỆP
ĐỊA CHỈ: 61 HÀNG CHUỐI, HÀ NỘI